

Số: 3322 /QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 04 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý,
ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn thông tin mạng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006; Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 ngày 19/11/2015;

Căn cứ Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2026 về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 5/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024;

Căn cứ Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ Quy định về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan Nhà nước trên môi trường mạng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 2599/TTr-STTTT ngày 28/11/2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đoàn kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về quản lý, ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn thông tin mạng tại một số cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Nghệ An gồm các ông (bà) có tên sau:

- Ông Lê Bá Hùng - Giám đốc Sở TT&TT: Trưởng đoàn;
- Bà Nguyễn Nữ Lan Oanh - Chánh Thanh tra Sở TT&TT: Phó Trưởng đoàn;
- Ông Hồ Quang Chương - Phó Chánh Thanh tra Sở TT&TT: Thành viên;
- Bà Trần Thị Quỳnh Như - Thanh tra viên Sở TT&TT: Thành viên (Thư ký Đoàn kiểm tra);

- 5) Ông Lê Duy Chiến - Thanh tra viên Sở TT&TT: Thành viên;
- 6) Ông Trương Minh Hợi - Phó Trưởng phòng Chuyên đổi số, Sở TT&TT: Thành viên;
- 7) Ông Phan Đình Mạnh - Chuyên viên phòng Chuyên đổi số, Sở TT&TT: Thành viên;
- 8) Thiếu tá Đinh Văn Thông - Cán bộ phòng PA05, Công an tỉnh: Thành viên;
- 9) Phạm Thị Thu Huyền – Phó Trưởng phòng Quản trị hệ thống và An toàn thông tin, Công thông tin điện tử Nghệ An: Thành viên.

Điều 2. Nhiệm vụ Đoàn kiểm tra, đối tượng, thời kỳ kiểm tra:

- Đoàn kiểm tra có nhiệm vụ triển khai thực hiện nội dung Kế hoạch kiểm tra được phê duyệt kèm theo Quyết định này tại các đơn vị: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng; UBND các huyện: Nghĩa Đàn, Yên Thành, Đô Lương, thị xã Thái Hòa;

- Thời kỳ kiểm tra: Năm 2021, 2022, 2023 và 10 tháng đầu năm 2024.

Điều 3. Thời gian kiểm tra và kinh phí thực hiện:

- Thời gian kiểm tra: Hoàn thành trước ngày 31/12/2024.

- Kinh phí hoạt động: Sử dụng nguồn kinh phí đã được cấp cho hoạt động thanh tra Sở Thông tin và Truyền thông năm 2024.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh, Công thông tin điện tử tỉnh; Đoàn kiểm tra; đối tượng kiểm tra và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Phó Chủ tịch TT Lê Hồng Vinh;
- Chánh Văn phòng, PCVP.PT;
- Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, Sở Xây dựng;
- UBND huyện: Nghĩa Đàn, Yên Thành, Đô Lương, thị xã Thái Hòa;
- Lưu VTUB/TD (Thắng) .

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Vinh

Nghệ An, ngày tháng 12 năm 2024

KẾ HOẠCH

**Kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật
về quản lý, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn thông tin mạng
tại một số cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2024**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3322 ngày 04/12/2024 của UBND tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

- Tăng cường và phát huy có hiệu quả hoạt động quản lý, đầu tư, quản lý, đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn an ninh thông tin tại cơ quan nhà nước;
- Phát hiện ra những bất cập trong cơ chế chính sách của pháp luật về hoạt động quản lý, đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn thông tin trong các cơ quan nhà nước nhằm sửa đổi hoặc kiến nghị các cấp có thẩm quyền sửa đổi;
- Nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật; Chấn chỉnh, xử lý nghiêm đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật; biểu dương các tổ chức, cá nhân làm tốt trong công tác hoạt động quản lý, đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh.

II. ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN KIỂM TRA:

1. Đối tượng kiểm tra:

- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng
- UBND các huyện: Nghĩa Đàn, Yên Thành, Đô Lương, thị xã Thái Hòa.

2. Thời gian kiểm tra: 60 ngày làm việc, kể từ ngày công bố Quyết định kiểm tra.

3. Thời kỳ kiểm tra:

- Thời kỳ kiểm tra đối với các nội dung về quản lý, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn an ninh thông tin tại đơn vị: Từ tháng 01/2022 đến thời điểm kiểm tra.

- Thời kỳ kiểm tra quy định về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan Nhà nước trên môi trường mạng: Từ tháng 01/2024 đến thời điểm kiểm tra.

- Thời kỳ kiểm tra đối với các dự án Công nghệ thông tin có sử dụng ngân sách nhà nước: Các dự án triển khai năm 2021, 2022, 2023.

III. NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Việc chấp hành các quy định của pháp luật về thuê dịch vụ công nghệ thông tin tại đơn vị (nếu có)

- Kiểm tra việc lập dự toán thuê dịch vụ công nghệ thông tin, lập và phê duyệt kế hoạch, dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin; việc tuân thủ các quy định về hợp đồng cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin; việc thực hiện báo cáo định kỳ về quản lý nguồn vốn thuê dịch vụ công nghệ thông tin của đơn vị.

- Kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về trách nhiệm của cơ quan nhà nước thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

2. Việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử

2.1. Việc cung cấp thông tin trên cổng/trang thông tin điện tử của đơn vị

Kiểm tra việc chấp hành các quy định tại Chương II, Cung cấp thông tin của Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ Quy định về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan Nhà nước trên môi trường mạng gồm:

- Việc thực hiện quy định về tên miền truy cập cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;

- Việc đăng tải các thông tin chủ yếu tại Điều 4 của Nghị định 42/2022/NĐ-CP (Gồm Văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quản lý hành chính thuộc thẩm quyền ban hành hoặc được giao chủ trì soạn thảo, Thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, quy trình giải quyết công việc; Thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý; Thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, sơ đồ tổ chức của cơ quan và của đơn vị trực thuộc; Thông tin về chương trình đề tài khoa học; Thông tin báo cáo thống kê, Thông tin tiếng nước ngoài; Các chức năng hỗ trợ, liên kết tích hợp thông tin,...).

2.2. Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử

- Kiểm tra việc cung cấp thông tin về dịch vụ công trực tuyến (Quy định tại Chương III Cung cấp dịch vụ công trực tuyến, Nghị định 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ;

- Kiểm tra việc quản lý, vận hành, sử dụng; tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị; trách nhiệm của các cơ quan và tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Nghệ An theo Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 08 tháng

01 năm 2021 ban hành quy chế hoạt động của công dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Nghệ An.

2.3. Kiểm tra việc bảo đảm hoạt động cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng.

Kiểm tra việc đảm bảo bảo đảm hoạt động cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng quy định tại Chương IV Nghị định 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ bao gồm: đảm bảo nhân lực, đảm bảo kinh phí, đảm bảo hạ tầng kỹ thuật.

3. Việc thực hiện các quy định về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước

- Kiểm tra trách nhiệm của đơn vị về triển khai thực hiện gửi, nhận, quản lý và lưu trữ văn bản điện tử được quy định tại Điều 26 Quy chế gửi, nhận, quản lý, lưu trữ văn bản điện tử trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An (ban hành kèm theo Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 5/2/2018 của UBND tỉnh Nghệ An);

- Kiểm tra việc thực hiện chế độ thông tin báo cáo định kỳ và đột xuất về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.

4. Việc thực hiện các quy định về sử dụng hệ thống thư điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước

Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện Chỉ thị số 34/2008/CT-TTg ngày 3/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về sử dụng hệ thống thư điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước; Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 21/5/2010 ban hành quy định về quản lý, sử dụng hệ thống thư điện tử tỉnh Nghệ An.

5. Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng tại đơn vị

5.1. Công tác quán triệt, triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng

- Việc quán triệt, triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh trong công tác đảm bảo an toàn thông tin mạng, cụ thể: Luật An ninh mạng; Luật An toàn thông tin mạng; Chỉ thị 15/CT-TTg ngày 17/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác bảo đảm an ninh, an toàn thông tin mạng trong tình hình mới; Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại; Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 04/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về công tác bảo vệ bí mật nhà nước trên không gian

mạng; Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược an ninh mạng quốc gia; Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030; Quyết định số 87/2016/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của UBND tỉnh Nghệ An ban hành Quy chế đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Chỉ thị số 18/CT-UBND ngày 21/5/2024 của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống thông tin các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An ...

- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng tại các đơn vị như: các quy định, chính sách an ninh, an toàn thông tin, hệ thống các tiêu chuẩn, hướng dẫn và quy trình hỗ trợ, nội quy quản lý, sử dụng các dịch vụ email, công TTĐT, quản lý công văn,...

(Báo cáo nêu rõ số lượng, trích yếu văn bản đã ban hành và có tài liệu kiểm chứng để cung cấp đoàn kiểm tra).

- Công tác tập huấn, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, nâng cao ý thức, trách nhiệm trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn thông tin mạng (các hình thức tuyên truyền: mở hội nghị, phổ biến trong cuộc họp, sao gửi văn bản; số lượng cơ quan, đơn vị, cán bộ... được phổ biến; nhận thức sau phổ biến...).

5.2 Việc thực hiện rà soát, phân loại, đề xuất cấp độ an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin của đơn vị

- Tổng số hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý:

- Tổng số hệ thống thông tin đã được phân loại (đã xác định được loại hình hệ thống thông tin): ...

- Tổng số hệ thống thông tin đã xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ:;

- Tổng số hồ sơ đề xuất cấp độ đã được thẩm định:;

- Tổng số hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt:;

- Dự kiến thời gian hoàn thành phân loại, xác định, phê duyệt đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với tất cả các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý:...

5.3. Cung cấp thông tin chi tiết hệ thống mạng máy tính:

Sơ đồ tổng thể, chi tiết toàn bộ hệ thống mạng (hệ thống mạng máy tính nội bộ, hệ thống mạng kết nối Internet, các hệ thống, dịch vụ khác như cổng/trang thông tin điện tử, hệ thống thư điện tử, quản lý công văn,...); Lập bảng thống kê các trang thiết bị (số lượng, chủng loại, hệ điều hành sử dụng trên các máy tính, thiết bị mạng, thiết bị dùng riêng cho công tác cơ yếu, thiết bị soạn

thảo, lưu trữ, truyền đưa tài liệu, văn bản chứa BMNN, thiết bị lưu trữ dữ liệu di động).

5.4. Thực trạng công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng tại các đơn vị:

- Rà soát, tổng hợp quy định, quy tắc điều chỉnh cá nhân, tổ chức liên quan, là cơ sở pháp lý cho việc đảm bảo an toàn, an ninh hệ thống mạng, hệ thống thông tin. Giải pháp, phương án bảo đảm an toàn, an ninh mạng của đơn vị.

- Rà soát danh sách, đánh giá về năng lực, trình độ, khả năng đáp ứng yêu cầu công tác đảm bảo việc khắc phục sự cố, phối hợp xử lý các tình huống mất an toàn, an ninh... của cán bộ tham gia hoạt động quản lý, điều hành, sử dụng hệ thống mạng, hệ thống thông tin...

- Rà soát, đánh giá tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện công tác đảm bảo an toàn, an ninh hệ thống mạng, hệ thống thông tin của đơn vị.

- Hoạt động tấn công mạng vào hệ thống mạng của đơn vị (nếu có).

- Thực trạng quản lý các thiết bị lưu trữ ngoại vi, thiết bị di động,... kết nối vào mạng nội bộ, mạng Internet.

- Việc đề xuất, đầu tư trang thiết bị đảm bảo an toàn thông tin mạng.

- Công tác phối hợp với các đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyên trách về an ninh mạng trong công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng.

- Việc ban hành quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng tại đơn vị.

- Việc triển khai cài đặt, sử dụng hệ thống phòng chống mã độc tập trung của tỉnh (số máy tính hiện có, số máy tính đã cài đặt phần mềm phòng chống mã độc, số máy tính bị nhiễm mã độc trong năm 2024).

5.5. Công tác kiểm tra, đánh giá định kỳ, đột xuất về bảo đảm an toàn thông tin mạng (tiến hành bao nhiêu cuộc kiểm tra; tồn tại, hạn chế phát hiện sau kiểm tra; đề xuất, kiến nghị sau kiểm tra...).

5.6. Công tác xử lý các vụ việc liên quan đến vi phạm trong công tác đảm bảo an toàn thông tin mạng.

6. Việc thực hiện các quy định của pháp luật về triển khai dự án ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ quan đơn vị (bao gồm các dự án triển khai mới và dự án cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số hạng mục và đầu tư hệ thống An ninh mạng)

Kiểm tra việc tuân thủ các quy định của Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 5/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 và các văn bản có liên quan. ✓

IV. PHƯƠNG PHÁP TIẾN HÀNH KIỂM TRA

1. Thu thập thông tin liên quan đến các nội dung kiểm tra của các đơn vị được kiểm tra bao gồm: tài liệu do các cơ quan quản lý Nhà nước cung cấp; báo cáo tự kiểm tra và hồ sơ tài liệu do đơn vị được kiểm tra cung cấp;

2. Gửi Quyết định kiểm tra và Đề cương kiểm tra cho đối tượng kiểm tra trong vòng 3 ngày kể từ ngày ký Quyết định kiểm tra để đối tượng kiểm tra chuẩn bị báo cáo, tài liệu phục vụ Đoàn Kiểm tra.

2. Kiểm tra trực tiếp tại cơ sở:

- Trưởng Đoàn kiểm tra công bố Quyết định kiểm tra, Đoàn kiểm tra và đại diện cơ sở được kiểm tra ký vào văn bản công bố Quyết định kiểm tra.

- Đoàn Kiểm tra nghe đại diện cơ quan báo cáo các nội dung được yêu cầu trong Đề cương kiểm tra.

- Đoàn Kiểm tra kiểm tra trực tiếp tại đơn vị, đối chiếu các văn bản quy định về các nội dung kiểm tra. Trường hợp cần thiết có thể sử dụng các nghiệp vụ: chụp ảnh để lưu lại chứng cứ; lập Biên bản kiểm tra đối với từng đơn vị được kiểm tra;

3. Sau khi kiểm tra trực tiếp tại cơ sở, Đoàn họp để tổng hợp kết quả kiểm tra và kiến nghị các biện pháp xử lý (nếu có).

4. Đoàn kiểm tra báo cáo kết quả kiểm tra, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

5. Người ra Quyết định kiểm tra ký và công bố Kết luận kiểm tra;

6. Đoàn kiểm tra lập, lưu trữ đầy đủ hồ sơ kiểm tra gồm: Quyết định thành lập Đoàn Kiểm tra của UBND tỉnh; Kế hoạch kiểm tra; Báo cáo tự kiểm tra của các đơn vị được kiểm tra; Biên bản làm việc giữa Đoàn kiểm tra với đơn vị được kiểm tra và những cơ quan, cá nhân khác có liên quan; Kết luận của UBND tỉnh về kết quả kiểm tra.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CÁ NHÂN, ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

1. Trách nhiệm của Trưởng Đoàn kiểm tra:

- Chỉ đạo chung hoạt động của Đoàn kiểm tra;

- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Đoàn trong quá trình kiểm tra, xử lý sau kiểm tra;

- Được phép sử dụng con dấu của cơ quan mình trong quá trình kiểm tra

- Tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm tra của các đợt kiểm tra; chịu trách nhiệm về báo cáo kết quả kiểm tra, tham mưu phương án xử lý các vi phạm của các đơn vị được kiểm tra.

2. Trách nhiệm của Phó trưởng Đoàn kiểm tra

- Chỉ đạo hoạt động của Đoàn kiểm tra khi Trưởng đoàn vắng mặt;
- Chỉ đạo, thực hiện kiểm tra các nội dung được Trưởng đoàn phân công chủ trì; tổng hợp kết quả kiểm tra gửi về Trưởng đoàn kiểm tra để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh;
- Được phép sử dụng con dấu của cơ quan mình trong quá trình thực hiện công tác kiểm tra;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng đoàn phân công.

3. Trách nhiệm của các thành viên Đoàn kiểm tra:

- Thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khi được Trưởng đoàn hoặc Phó Trưởng đoàn phân công;
- Tham gia đầy đủ các đợt kiểm tra; trong trường hợp bận hoặc có lý do đột xuất không thể tham gia Đoàn kiểm tra phải báo cáo cho Trưởng đoàn hoặc Phó Trưởng đoàn ít nhất 01 ngày trước ngày đi kiểm tra và phải có phương án đề xuất cử người khác có chuyên môn về lĩnh vực mình phụ trách thay thế đi kiểm tra;
- Có ý kiến về các nội dung kiểm tra trong quá trình đi kiểm tra gửi cho Trưởng đoàn hoặc Phó Trưởng đoàn để tổng hợp kết quả kiểm tra;
- Thực hiện nhiệm vụ khác theo phân công.

4. Trách nhiệm của đơn vị được kiểm tra:

- Lập báo cáo tự kiểm tra theo đúng Đề cương của Đoàn kiểm tra về Sở Thông tin và Truyền thông - cơ quan chủ trì của Đoàn kiểm tra (đầu mỗi Thanh tra Sở) trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày công bố Quyết định kiểm tra và kế hoạch kiểm tra;
- Phân công, bố trí người có thẩm quyền làm việc với Đoàn kiểm tra theo lịch làm việc của Đoàn;
- Cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra./.

